

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2018/DS-PT

Ngày: 26/6/2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

Các Thẩm phán: + Bà Võ Thị Thu Thúy
+ Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2018/TLPT-DS ngày 21/5/2018 về việc tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐ-PT ngày 21/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1965, (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1954, (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Trần Thị P, sinh năm 1977, (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Nguyên đơn - bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:*

Nguyên vào ngày 03/8/2011 âm lịch bà có cho bà L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/

ngày khi vay tiền bà L có ký tên vào biên nhận nợ với nội dung vay trả tiền ngân hàng và hứa khi nào bà cần vốn thì bà sẽ thông báo trước một tháng cho bà L sẽ trả đủ số tiền vốn vay lại cho bà. Sau khi vay xong đến nay bà L không trả tiền cho bà mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà L trả.

Ngoài ra, vào ngày 26/3/2013 sau khi đối chiếu nợ hụi bà L còn nợ bà số tiền hụi chết là 14.000.000 đồng, bà có đòi nhiều lần nhưng bà L không trả.

Ngày 09/4/2015 bà có khởi kiện bà L ra Tòa án nhân dân huyện B do Thẩm phán Nguyễn Thanh Triều thụ lý giải quyết, trong quá trình giải quyết tòa án lấy lời khai bà L và bà L có thừa nhận chữ ký trong biên nhận số tiền 30.000.000 đồng do bà ký tên, nhưng sau đó bà L phủ nhận bà L cho rằng không phải bà L ký nên bà có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ viết và chữ ký nhưng kết quả giám định xác định do chữ ký đơn giản nên không giám định được. Còn biên nhận số tiền hụi 14.000.000 đồng ngày 26/3/2013 do con gái bà L là Trần Thị P viết và ký tên nhưng số tiền hụi là do bà L nhận, trước đây khi Thẩm phán Triều giải quyết có đưa chị P vô tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung biên nhận và tại kết luận giám định cũng xác định chữ viết họ tên Lê Thị L trong biên nhận ngày 26/3/2013 là do chị P viết. Do bà chỉ khởi kiện phía bà L mà không khởi kiện phía chị P nên bà rút lại yêu cầu khởi kiện để bổ sung hồ sơ và khởi kiện lại sau.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải trả cho bà số tiền vay là 30.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03/9/2011 âm lịch (dương lịch là ngày 29/9/2011) đến ngày xét xử, bà yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền hụi chết còn lại cho bà là 14.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bi đơn - bà Lê Thị L trình bày:*

Bà xác định trước đây bà có vay của bà D số tiền là 20.000.000 đồng, ngày tháng năm bà không nhớ, bà vay để trả tiền ngân hàng, sau đó bà đã trả xong cho bà D, khi vay có làm biên nhận nợ 20.000.000 đồng cho bà D, biên nhận do bà D giữ. Bà D có xuất trình cho Tòa án biên nhận ngày 03/8/2011 âm lịch, bà xác định bà không có vay bà D số tiền 30.000.000 đồng và cũng không có làm biên nhận này, chữ viết và chữ ký trong biên nhận không phải là của bà. Trước đây khi Thẩm phán Triều giải quyết, bà và bà D hai bên đều có yêu cầu giám định biên nhận ngày 03/8/2011 âm lịch, các kết quả giám định đều không có kết quả và cũng không có kết luận nào xác định chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà.

Đối với dây hụi bà D khởi kiện bà và chị P (con gái bà), bà xác định có tham gia nhiều dây hụi do bà D làm đầu thảo, trong đó có dây hụi mở ngày 15/01/2013 âm lịch hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai hụi một lần, có 20 hụi viên, bà tham gia dây hụi này 01 phần, đã hót xong, dây hụi này đã mãn vào tháng 8/2014 âm lịch, bà đã đóng hụi chết dây hụi này xong, không còn nợ nần gì. Bà D có cung cấp một biên nhận nợ hụi ngày 26/3/2013, bà D cho rằng biên nhận này là chị P viết và ký tên thay cho bà, điều này là vô lý, khi Thẩm phán Triều giải quyết thì bà D có yêu cầu giám định biên nhận ngày 26/3/2013 thì kết quả theo bà được biết là chữ viết tên họ Lê Thị L trong biên nhận và chữ viết

Trần Thị P do chị P cung cấp cho Tòa là cùng một người, bà không có ý kiến gì về việc này, còn giữa chị P và bà D có giao dịch hui hay không thì bà không rõ.

Nay bà không đồng ý các yêu cầu của bà D vì bà xác định không còn nợ nần gì bà D.

** Bị đơn - chị Trần Thị P trình bày:*

Chị là con ruột của bà L, trước đây chị có tham gia chơi nhiều dây hui do bà D làm chủ thảo nhưng giữa chị và bà D đã quyết toán xong, không còn nợ nần gì. Bà D khởi kiện cho rằng chị có đứng ra viết biên nhận nợ hui thay cho mẹ chị số tiền nợ hui chết là 14.000.000 đồng. Chị xác định không biết gì về biên nhận đề ngày 26/3/2013 do bà D cung cấp. Nay chị không đồng ý yêu cầu của bà D về việc yêu cầu chị cùng trách nhiệm với bà L trả số tiền hui là 14.000.000 đồng vì chị không có tham gia chơi hui với bà D trong dây hui này và không nợ nần gì bà D.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền này, đồng thời xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà L và chị P cùng trách nhiệm trả số tiền hui chết là 14.000.000 đồng.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 217, 235, 243, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 463, 466, 471, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D.

Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 30.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L trả phần tiền lãi trên phần nợ là 30.000.000 đồng (tính lãi từ ngày 29/9/2011 đến ngày 19/3/2018).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L và chị Trần Thị P liên đới cùng trách nhiệm trả số tiền nợ hui là 14.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày **29/3/2018**, bị đơn bà Lê Thị L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Lê Thị L thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 20.000.000 đồng, đã trả cho bà D xong, không còn nợ bà D nữa.

Bà Phạm Thị Ngọc D trình bày rằng bà cho bà Lê Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng đến nay bà L chưa trả, biên nhận ngày 03/8/2011 bà viết, bà L ký tên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L Thị L, giữ nguyên bản án số 44/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Hội đồng xét xử nghị án và nhận thấy án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị L trả phần tiền nợ vay là 30.000.000 đồng, nguyên đơn cung cấp biên nhận nợ đề ngày 03/8/2011 (âm lịch), trong biên nhận để lý do nhận tiền giao hụi trả ngân hàng đến nay chưa trả. Nay bà D yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi. Phía bị đơn bà L thừa nhận trước đây có nợ nguyên đơn 20.000.000 đồng nhưng đã trả xong, có làm biên nhận nợ 20.000.000 đồng cho nguyên đơn giữ, khi trả 20.000.000 đồng cho bà D hai bên không có làm giấy tờ gì. Nay bà D yêu cầu bà trả 30.000.000 đồng bà không đồng ý vì bà nợ 20.000.000 đồng bà đã trả xong, không còn nợ.

Án sơ thẩm nhận định rằng, tại Tòa sơ thẩm bà L xác định có ký tên vào biên nhận nợ 20.000.000 đồng nhưng bà đã trả xong, bà cũng xác định ý kiến tại biên bản hòa giải do Tòa án lập ngày 03/8/2011 (âm lịch) là do ghi nhầm lẫn. Xét lời khai nại của bà L là không được chấp nhận, bởi lẽ bà đã thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ, mặc khác bà cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho việc bà đã trả bà D số tiền 20.000.000 đồng. Phía bà D không thừa nhận và xác định bà L nợ 30.000.000 đồng chưa trả. Từ những nhận định trên, án sơ thẩm buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc D 30.000.000 đồng là có căn cứ.

Do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án số 44/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L không được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Còn các phần khác của án sơ thẩm các bên không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 471, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 19/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện B.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D.

2/ Buộc bà Lê Thị L có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Ngọc D số tiền 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L trả phần tiền lãi trên phần nợ là 30.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 29/9/2011 đến ngày 19/3/2018).

4/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D về việc yêu cầu bà Lê Thị L và chị Trần Thị P liên đới cùng trách nhiệm trả số tiền nợ hui là 14.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà L chậm thi hành thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5/ Về án phí:

Bà Lê Thị L phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số

08417 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, cần trừ nên bà L còn phải nộp tiếp 1.500.000 đồng nữa.

Hoàn lại cho bà D 1.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07582 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sâm Hương